

NHỮNG NGÀY CUỐI CÙNG CỦA HẠM ĐỘI HẢI QUÂN VNCH

Nguyễn Đức Thu, K16

Ngày 22 tháng 3 năm 1975, tại Hội Đồng Đô thành Sài Gòn, với tư cách Chủ Tịch liên Ủy Ban, tôi yêu cầu triệu tập phiên họp khẩn để nghe vị Chánh Sở Ngân Sách & Tài Chánh của Tòa Đô Chánh Sài Gòn điều trần về ngân sách trong đó có liên quan đến vấn đề an ninh thủ đô.

Khi phiên họp vừa bắt đầu, chúng tôi được thông báo là **Phó Đô Đốc Chung Tấn Cang, Tư Lệnh Biệt Khu Thủ Đô** được **Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu** tái nhiệm trở lại **Quân Chủng Hải quân trong chức vụ tư lệnh**. Toàn thể nghị trường đều im lặng lạ thường, nhưng tôi tức khắc nhận ra rằng có thể sẽ có những biến cố trọng đại sắp xảy ra như đã từng xảy ra sau ngày đảo chánh 1 tháng 11 năm 1963 khi HQ Trung Tá Chung Tấn Cang hồi đó, chỉ với cấp bậc trung tá, nhưng lại là một trong những nhân vật then chốt của Hội đồng Quân Nhân Cách Mạng. Ông được thăng cấp HQ Đại tá ngày hôm sau và trở thành tư lệnh quân chủng Hải Quân lần thứ nhất sau khi HQ Đại Tá Tư Lệnh Hồ Tấn Quyền bị hạ sát. Tôi chấm dứt phiên họp sớm hơn dự định và đi đến Bộ Tư Lệnh Hải Quân để tìm hiểu thêm sự kiện.

Ngày 24 tháng 3 năm 1975, Phó Đô Đốc Cang vội vã trở về

Bộ Tư Lệnh Hải Quân (BTL/ HQ) nhận chức tư lệnh thay thế Đề Đốc Lâm Nguơn Tánh. Lễ nhậm chức của tân tư lệnh Hải Quân diễn ra vào trưa ngày 24 tháng 3. Có khoảng 7 tư lệnh Hải quân các vùng đứng một hàng ngang trước bàn tư lệnh chứng kiến, và một sĩ quan báo chí hiện diện để quan sát và tường thuật, trong văn phòng tư lệnh trên lầu hai, nằm bên tay mặt của trụ sở Bộ Tư Lệnh trông ra bến Bạch Đằng Sài Gòn.

Thật sự, chức vụ Tư Lệnh Biệt Khu Thủ Đô kiêm Tổng Trấn Sài Gòn - Gia Định là một trong những chức vụ quan trọng nhất chung quanh Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu.

Nhưng bổ nhiệm Phó Đô Đốc Cang tái nhiệm chức tư lệnh Hải Quân sau khi đã rời Hải Quân trên 10 năm về trước đã cho thấy rõ ràng kế hoạch “di tản và lui binh” là mối quan tâm nhất của Tổng Thống Thiệu trong quyết định này. Đô Đốc Cang thổ lộ rằng nếu còn ở vị trí tư lệnh biệt khu thủ đô thì ông sẽ cố bảo vệ Sài Gòn với bất cứ giá nào...

Theo tôi nghĩ không lẽ ông phải rời vị trí Tư Lệnh Biệt Khu Thủ Đô này vì áp lực bên ngoài, hay vì kế hoạch “còn nước còn tát”, như tin đồn là của Tổng Thống Thiệu có ý định tổ chức đưa Hạm Đội về Miền Tây tử thủ?

Lễ bàn giao không có nghi lễ quân cách, chỉ diễn ra như là một buổi họp quan trọng nhưng mọi người đều mặc quân quân phục đại lễ Hải Quân, trong đó có những Đề Đốc với vẻ mặt thoạt nhìn rất lạnh lùng, khó hiểu như Phó Đề Đốc Đặng Cao Thăng, Nghiêm Văn Phú....

Chỉ vài ngày sau ngày nhậm chức, Phó Đô Đốc Cang đã thành lập đơn vị “Lực Lượng Đặc Nhiệm 99”, bao gồm những Giang Đoàn Ngăn Chặn và nhiều căn cứ Hải Quân. Ông chỉ định một sĩ quan Hải Quân trẻ, HQ Đại Tá Lê Hữu Đồng, làm tư lệnh và đã soạn thảo kế hoạch di tản hạm đội trong trường hợp khẩn cấp. Có người tiên đoán ông sẽ cho lệnh hạm đội về Miền Tây, nhưng vài hạm trưởng quen thân

với tôi thì cho là ông sẽ cho hạm đội di tản đến Côn Sơn để bảo toàn lực lượng.

Theo Phạm Kim, sĩ quan báo chí BTL/HQ, “khi trở thành Tư Lệnh Quân Chung Hải Quân lần thứ nhì, Phó Đô Đốc Chung Tấn Cang (tướng HQ 3 sao) có cấp bậc cao nhất quân chủng, và ngang cấp với các tư lệnh quân binh chủng khác. Quả thật, trong những ngày giờ dầu sôi lửa bỏng đó, ông đã quan tâm thực sự đến kế hoạch di tản một cách chặt chẽ, với tiêu chuẩn phải mang đi được nhiều tướng lãnh, quân nhân của các quân binh chủng và Hải Quân. Ông thường xuyên có mặt trong Trung Tâm Hành Quân thuộc Bộ Tư Lệnh Hành Quân Lưu Động Biển, trong tầng ba một cao ốc tân kỳ mới xây vài năm. Ông trông bề thế chỉ huy, oai nghiêm như một tư lệnh chiến trường Lục Quân. Phó Đô Đốc Cang có thể liên lạc hàng ngang với Tổng Thống và giới chức cao cấp nhất của Bộ Tổng Tham Muu, cũng như Biệt Khu Thủ Đô.”

Trung tuần tháng Tư 75, cựu Dân biểu Đệ Nhất Cộng hòa Vũ Quốc Công đến thăm tôi tại Tòa Đô Chánh. Ông cho tôi biết tình trạng sống còn của Sài Gòn có thể đếm từng ngày, khuyên tôi hãy rất cẩn thận. Sau bữa cơm trưa vội vã, ông lại biến mất cho đến một ngày cuối năm 1975, tôi nghe tin ông và các con đã bị chết chìm trên biển. Thật là đau lòng!

Việc thăm viếng bất chợt, ngăn ngui của người bạn cũ để báo động nổi bất an của Thủ Đô đã biến tôi thành một nhân chứng bất đắc dĩ, để biết rõ và lo âu buồn thảm nhìn Sài Gòn thân yêu của mình đang rã tan từng mảnh hàng ngày, hàng ngày; và một Hạm đội của một quân chủng Hải Quân có sức mạnh thứ chín trên thế giới, lại không biết sẽ hải hành về đâu!!!

Trở lại tháng 6 năm 1974, sau khi đắc cử tại Quận 1 Đô Thành, gia đình tôi vẫn được Bộ TTM cho phép tiếp tục sống tại cư xá 4A Bến Bạch Đằng vì tôi tình nguyện ở lại trong Hải quân (nghỉ dài hạn không lương), thay vì giải ngũ như đa

số các vị dân cử gốc quân đội khác. “ Túp lều lý tưởng “ của vợ chồng chúng tôi tuy nhỏ, những địa điểm thật là thuận tiện, sát cạnh BTL/ HQ và cách xa các cầu tàu A và B không đầy 100 thước. Mỗi ngày tôi đều chứng kiến những chiến hạm vội vã tách bến ra đi, những chiến hạm vội vã trở về cập bến, các đoàn xe tiền hô hậu ủng của các quan tư lệnh quân binh chúng đi làm việc ngang qua Bến Bạch Đằng, kể cả tiếng trực thăng rộn ràng của “ngài thủ tướng” cất cánh, hạ cánh bên cạnh. Hầu như tất cả các quân cảnh Hải Quân thuộc Tổng Hành Dinh BTL/ HQ đều quen mặt tôi, đều cất tiếng, “chào Commandant Thu” rất thân ái, mỗi khi thấy tôi chạy thể dục từ BTL/ HQ, mỗi buổi sáng đến bến Bạch Đằng.

Đôi lúc, tôi hy vọng Phó Đô Đốc Cang đi làm sớm sẽ thấy tôi, sẽ vẫy tay chào hỏi hay “mời tôi vào Dinh” một chiều nào đó, uống một chén trà như tôi thường hay mời ông lên Phòng Tiếp Tân của Hội Đồng Đô Thành sau mỗi lần ông đến họp với Niên Trưởng Đô Trưởng Đỗ Kiến Nhiễu (K4/ VBQG) tại Tòa Đô Chánh. Tuy nhiên, tôi chỉ được gặp ông hai lần sau khi ông tái nhiệm chức vụ Tư lệnh Hải quân.

Lần sau cùng, tôi đã đến văn phòng Tư Lệnh thăm ông. Trước khi ra về, không hiểu tại sao, tôi lại đứng rất nghiêm chỉnh chào ông, giống như hồi tôi còn trong Hải Quân. Ông mỉm cười thật thân thiện, hỏi tôi:

- “Ông nghị còn nhớ cách lái tàu không. Phải cẩn thận trên sông Lòng Tào, vì thủy triều lên xuống rất bất thường...”

Tôi cảm ơn ông và đã hiểu ra ngay ẩn ý ông muốn nói gì. Kể từ đó tôi không có cơ hội gặp lại ông, cho đến khi ông qua đời ngày 24 tháng 1 năm 2007.

Trở lại tháng ngày ngắn ngủi sau cùng tại Sài Gòn và Bộ Tư Lệnh Hải Quân. Để kiện toàn một hạm đội và các lực lượng Hải Quân sẵn sàng trong mọi tình hình, Phó Đô Đốc Cang đã chỉ định hoặc giữ lại các sĩ quan quan trọng, như Phó Đề Đốc Diệp Quang Thủy (K6 Võ Bị Quốc Gia/ K3 HQ Nha Trang)

làm Tư lệnh Phó Quân Chủng Hải Quân kiêm Tham Mưu Trưởng BTL/ HQ, HQ Đại Tá Nguyễn Xuân Sơn làm Tư Lệnh Hạm Đội, Phó Đề Đốc Nguyễn Hữu Chí làm Tư Lệnh Hành Quân Lưu Động Biển, HQ Đại Tá Đỗ Kiểm làm Tham Mưu Phó Hành Quân, HQ Đại Tá Ngô Khắc Luân làm Chỉ Huy Trưởng Khối Tiếp Vận, HQ Đại Tá Phạm Mạnh Khuê làm Tham Mưu Trưởng Hành Quân Biển (thay thế Đại Tá Sơn làm Tư Lệnh Hạm Đội vào ngày chót), Phó Đề Đốc Đinh Mạnh Hùng làm Tư Lệnh Hành Quân Lưu Động Sông, HQ Đại Tá Lê Hữu Đồng làm Tư Lệnh Lực Lượng Đặc Nhiệm 99.

Tư Lệnh Chung Tấn Cang theo dõi hàng ngày việc di tản và tình hình chiến sự ngoài Quân Khu 1, Đà Nẵng, và Qui Nhơn. Ông đã ra lệnh các chiến hạm và hải đội cứu vớt hàng ngàn quân dân di tản, trong đó có việc tham dự của Dương Vận Hạm HQ 504, do HQ Trung Tá Nguyễn Như Phú (K16/ VBQGVN) làm hạm trưởng. Đô Đốc theo dõi từng bước đi của các tướng Bộ Binh, tướng Không Quân và các đơn vị tác chiến, những hội họp trong căn cứ HQ Đà Nẵng và tại Trung tâm hành quân Sư Đoàn TQLC của các Tướng Bùi Thế Lân, Ngô Quang Trưởng, Tướng Khánh (Không Quân) và Hồ Văn Kỳ Thoại (Hải Quân). Ông đã thừa lệnh Tổng Thống Thiệu, chỉ định Phó Đề Đốc Hoàng Cơ Minh làm Tư Lệnh chiến trường Qui Nhơn, được gọi là “Tuyên Thép”, để hỗ trợ cho Hải Đội Vùng 2 Duyên Hải, hải vận (di chuyển bằng tàu) Sư Đoàn 22BB trong đó có Đại Tá Nguyễn Thiệu (K16/ VBQGVN), Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 41, và tăng cường cho Lữ Đoàn 3 Dù tại mặt trận Khánh Dương vào ngày 2 tháng 4 năm 1975.

Trong lần gặp ông sau cùng tại Bộ Tư Lệnh Hải Quân, ông cũng còn nhắc lại sự can đảm của hai vị Trung Tá Lữ Đoàn Trưởng TQLC Nguyễn Xuân Phúc và Lữ Đoàn Phó Đỗ Hữu Tùng (cùng Khoá 16 Võ Bị với tôi), đã ở lại trên bãi biển Non Nước để chờ đợi các đơn vị TQLC thất lạc, thay vì bơi lên chiến hạm. Hai vị sĩ quan TQLC này

đã chết vì đạn pháo kích của Bắc Quân, ngày 29 tháng 3 năm 1975. Ông cũng tỏ ra rất tiếc là các hải vận hạm đã không tiến sát được gần bờ hơn tại Cửa Thuận An và bờ biển Non Nước, vì bờ biển không đủ tầm sâu cho chiến hạm ủi bãi. Vì thế, đã khiến cho nhiều TQLC chết chìm khi cố gắng bơi đến tàu.

Trở lại chiến trường Qui Nhơn/ Nha Trang, Phó Đề Đốc Hoàng Cơ Minh được chỉ định làm Tư Lệnh Chiến Trường “Tuyên Thép”, nhưng lễ nghi quân cách và lệnh chưa kịp chính thức loan tải và phát thanh thì lãnh thổ kiểm soát của VNCH đã phải cắt thêm về tới Tuyên Thép Phan Rang. Rồi cũng từ Phan Rang, chưa kịp thực hiện những nghi lễ trang trọng bảo vệ “Tuyên Thép” thì Đề Đốc Minh, đã phải chỉ huy 4 chiến hạm HQ2, HQ3, HQ5, và Dương Vận Hạm HQ500 chạy dọc theo bờ duyên hải để đón người di tản từ Phan Rang và các thành phố khác nữa xuôi Nam.

Trong lúc đó tại Sài Gòn, ngày 21 tháng Tư, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu từ chức. Hạ tuần tháng Tư, tôi mặc lễ phục Hải Quân (dù tạm thời đã ra khỏi quân chủng) đến tham dự lễ bàn giao chức Đô Trưởng Sài Gòn từ Đô Trưởng Đỗ Kiến Nhiễu cho Đại Tá Quách Huỳnh Hà.

Tân Đô trưởng Quách Huỳnh Hà, xuất thân từ Khóa 1 Thủ Đức, là một sĩ quan cán bộ kiêm huấn luyện viên then chốt của TVBQGVN, thời Khóa 16. Đây là lần đầu tiên, các quan khách và nhân viên Tòa Đô Chánh rất ngạc nhiên khi nhìn thấy “ông nghị Thu” trong bộ đại lễ Hải Quân. Lễ bàn giao trang trọng nhưng thật buồn tẻ ảm đạm, vì mọi người đều biết rằng đây là dấu hiệu cho thấy những ngày tàn của Thủ Đô đang đến. Sau lễ, Đại Tá “tân đô trưởng” bắt tay tôi thật chặt, nói vài chữ như một lời vĩnh biệt:

- “Ông nghị bảo trọng”!

Tôi cũng chào ông đúng quân cách và nói,

- “Cám ơn và chúc mừng ông đô trưởng.”

Tuy nhiên, trong tim tôi thấy hần lên một nỗi buồn xót xa

vì chắc chắn cũng như tôi, Đại Tá Hà đã biết ông được chỉ định làm đô trưởng, như là một bình phong chắn đường cho “những người cần ra đi” đúng lúc mà thôi!

Bây giờ thì ông đã mất nhưng tôi vẫn còn nhớ những cảm tình mà ông đã dành cho TVBQGVN, nơi mà tôi tin rằng ông đã để quên con tim tại đó. Ông đã nói:

- “...Thời gian sau các đơn vị tác chiến, tôi được sang Pháp học một năm ở trường Bộ Binh cùng với các Sĩ Quan Saint Cyr. Tôi đặt trọng tâm tìm bí quyết sức mạnh của quân đội Pháp, qua lò luyện thép Saint Cyr đào tạo những sĩ quan anh tuấn, trí dũng, và giàu kiến thức chiến lược toàn cầu. Sau khóa học, tôi được trở về làm huấn luyện viên tại Trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt. Binh thư của Trường Võ Bị Saint. Cyr nói rằng kỷ luật là sức mạnh của quân đội.

Nhưng ngoài ý tưởng trên, tôi cho rằng cần thêm ý tưởng Huynh Đệ Chi Binh, vì đó mới là chân lý, là sức mạnh trong các đội ngũ của Quân Lực VNCH.

Tôi đã thêm ý tưởng này vào Nội Quy Sinh Viên Sĩ Quan, cũng như tài liệu đào tạo sĩ quan Đà Lạt. Thật vậy, suốt đời binh nghiệp của tôi, tất cả những kế hoạch và những điều thực hiện, tôi đều được yểm trợ của các huynh đệ anh em từ Bộ Tổng Tham Mưu, Tham Mưu Quân Đoàn, đến các khóa đàn em Thủ Đức, và sĩ quan Đà Lạt hết lòng giúp đỡ. Như trận Chi Khu Ngã Năm lúc đơn vị của tôi bị một trung đoàn chính quy Bắc Việt vây khốn. Trên tần số các phi cơ đến yểm trợ, khi tôi nghe họ gọi nhau bằng niên trưởng, niên đệ, tự nhiên tinh thần của tôi phấn chấn coi địch không vào đâu nữa. **Đối đầu với những khó khăn nhứt, biết có một huynh đệ ở đâu đó, chỉ cần nhắc ống điện thoại là xong ngay. Tình Huynh Đệ là tất cả..”**

Tôi nghĩ, Đại Tá Quách Huỳnh Hà thật xứng đáng để trở thành một tướng lãnh, nhưng có lẽ ông đã sinh bất phùng thời! Từ già ông mà tôi biết đó cũng là lần vĩnh biệt vì tôi thấy

Sài Gòn đã không còn hy vọng được bình yên,

Ngày 24 tháng tư, theo yêu cầu của Phụ Tá Bộ Trưởng Quốc Phòng Mỹ Erich Von Marbod, ông Richard Armitage, trở lại Sài Gòn.

(Ông vốn là một sĩ quan hải quân Hoa Kỳ, đã từng phục vụ tại Việt Nam 4 nhiệm kỳ liên tiếp, có nhiều liên lạc mật thiết với các sĩ quan hải quân VNCH cao cấp. Tôi cũng đã từng gặp ông và ông William Maroletti tại Trung Tâm Phát Triển Khả Năng Tác Chiến, khi tôi làm đại diện HQ tại Bộ TTM. Ông Maroletti là người điều hợp chương trình hiện đại hóa Hải Quân VNCH sau hiệp định Paris, là người bảo trợ cho gia đình chúng tôi định cư tại Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn khi gia đình chúng tôi đến Hoa Kỳ sau tháng tư 1975.)

Tuy ông Armitage chỉ đóng vai trò sĩ quan liên lạc giữa Hải Quân Mỹ và Hải Quân VN, nhưng trên thực tế, ông là một giới chức quan trọng tại Bộ Quốc Phòng Mỹ. Ông đã đáp chuyến bay cuối cùng của PanAm đến Thủ Đô với nhiệm vụ ‘tối mật’ là tìm cách đưa ra khỏi VN các chiến cụ “càng nhiều càng tốt”. Von Marbod lo phần Không Quân, và Armitage lo phần Hải Quân.

Armitage đã tìm gặp HQ Đại Tá Đỗ Kiếm, Tham Mưu Phó Hành Quân BTL/ HQ để hoạch định một kế hoạch di tản tổng quát. Ông Armitage cũng đã đến gặp Phó Đô đốc Tư lệnh Chung Tấn Cang nhiều lần.

Tại Hạm Đội, chiều ngày 26 tháng Tư, Hải Quân Đại Tá Nguyễn Xuân Sơn, Tư Lệnh Hạm Đội, đã họp với khoảng 100 hạm trưởng các loại chiến hạm lớn nhỏ. Ông cho biết rằng Vũng Tàu, Phan Rang, và Bộ Tổng Tham Mưu đã tan rã, địa điểm Sư Đoàn 3 Không Quân đang bị dội bom, trong khi Hạm Đội HQ còn an toàn và nguyên vẹn. Ông duyệt xét sơ khởi cho thấy khoảng trên 30 chiến hạm trong tổng số 45 chiếc cỡ lớn của HQ/ VN có thể ra đi được. Số chiến hạm này một phần tại bến Sài Gòn, một phần tại vùng biển Vũng Tàu và phần còn

lại tại vùng biển Phú Quốc. Ông nói:

- “Chúng ta chuẩn bị tinh thần để có thể di chuyển về Phú Quốc.”

Lời tuyên bố quá sớm của ông đã phải trả giá. Đại Tá Sơn bị cất chức Tư Lệnh Hạm Đội, HQ Đại tá Phạm Mạnh Khuê lên thay thế ngày 28 tháng tư năm 1975. Nhưng chỉ trong 1 ngày sau đó, Hạm đội HQVNCH lại có lệnh di tản.

Theo nhà báo Diệp Mỹ Linh, “...Tướng Càng quyết định hạm đội Hải Quân sẽ chính thức ra đi vào lúc 6 giờ chiều ngày 29 tháng 4 và cuộc di tản dự trù sẽ hoàn tất vào lúc 22 giờ đêm. Điểm hẹn là đảo Côn Sơn.”

Vào lúc này, trên bờ sông Sài Gòn có 8 chiến hạm đang cập bến:

- 5 chiến hạm tại cầu tàu A: HQ 601, HQ 11, HQ 504, 502, 501.

- 3 chiến hạm tại cầu tàu B đậu từ trong ra ngoài: HQ 1 tại vị trí số 1 gần sát đường lộ, mặt tiền Bộ Tư lệnh HQ; bên cạnh là HQ 3; và ngoài cùng là HQ 2.

- Xa hơn nữa là cầu tàu C... Các cầu tàu D và E nằm trong HQ Công Xưởng, không xa sân cờ Bộ Tư lệnh HQ.

- Tại cầu tàu E của Hải Quân Công Xưởng có các chiến hạm HQ 400 đậu trước Cầu Lọc Bộ HQ.

- HQ 500, chiến hạm HQ 402 đậu tại cầu tàu D. Ngoài ra còn một số chiến hạm thả neo tại Nhà Bè..

Bến Bạch Đằng đông nghẹt người chen chúc chờ được di tản. Tuần Dương Hạm HQ 2 Trần Quang Khải là chiến hạm đầu tiên do HQ Trung Tá Đinh Mạnh Hùng điều khiển tách bến. Trên chiến hạm có Phó Đề Đốc Nguyễn Hữu Chí, Phụ Tá Hành Quân Lưu Động Biển của HQ/ VNCH.

Khoảng 7 giờ chiều, Tuần Dương Hạm Trần Nhật Duật HQ 3 do Hạm Trưởng HQ Trung Tá Nguyễn Kim Triệu điều

khiên, rời bờ. Trên chiến hạm có các Phó Đề đốc Đinh Mạnh Hùng và Hoàng Cơ Minh. Tàu chở đầy người.

Khu Trục Hạm HQ 1 Trần Hưng Đạo, tuy được dự trù sẽ là soái hạm, kéo cờ tư lệnh trên kỳ đài, nhưng chưa tách bến vì còn chờ Hạm Trưởng HQ Trung Tá Nguyễn Địch Hùng về đón gia đình chưa trở lại. Trên tàu đã có mặt Đề Đốc Lâm Nguơn Tánh, Cựu Tư Lệnh Hải Quân và Phó Đề Đốc Nguyễn Thanh Châu. Lúc này, dân chúng tràn ngập trên bờ nên ngay cả Tư lệnh HQ Chung Tấn Cang và Tư Lệnh Phó Diệp Quang Thủy cũng không thể lên được chiến hạm. Cuối cùng Phó Đề Đốc Châu ra lệnh tách bến lúc 8 giờ tối ngày 29. HQ Trung Tá Nguyễn Duy Long, K16 VBQGVN được chỉ định làm hạm trưởng.

Tại Cầu A, tình trạng hỗn loạn và căng thẳng diễn ra trên bờ. Trong khi đó dưới sông, ba chiến hạm HQ 504, HQ 11 và HQ 503 vẫn chờ đợi.

Phó Đô Đốc Cang và Phó Đề Đốc Thủy sau khi không nhập hạm được trên Soái Hạm HQ 1, đã lên Tuần Duyên Hạm HQ 601 do Hạm Trưởng HQ Đại Úy Trần Minh Chánh (K24/ TVBQGVN), con trai của Đề Đốc Trần Văn Chơn, cựu Tư lệnh HQ làm hạm trưởng. Tuy đã quyết định sẽ không di tản, ở lại cùng cha và gia đình, Đại Úy Chánh vẫn điều hành chiến hạm và đưa các Phó Đô Đốc Cang và Thủy, HQ Đại Tá Nguyễn Xuân Sơn, cựu Tư lệnh Hạm Đội ra tận Vũng Tàu rồi trở lại. Vì tình nhà, tình nước, Đại Úy Chánh đã phải trả một giá rất đắt bằng nhiều năm tù trong các “trại cải tạo”.

Hộ Tổng Hạm HQ 11 cũng ra đi vào khoảng 11 giờ đêm, do Hạm Trưởng HQ Thiếu Tá Phạm Đình San điều khiển, mang theo HQ Đại Tá Đỗ Kiểm. Dương Vận Hạm Thị Nại HQ 502 do HQ Trung Tá Nguyễn Văn Tánh làm hạm trưởng cũng rời bến vào khoảng 1 giờ đêm 29, rạng sáng 30 tháng 4. Trên đường đi, đã cứu được Phó Đề Đốc Nghiêm Xuân Phú từ tiểu đỉnh PBR. Các Tướng Vĩnh Lộc, Trần Văn Trung đến

Bến Bạch Đằng vào sáng 30 tháng 4 và dùng một LCM nhỏ của Giang Cảnh để tìm đường ra biển. Rất may, LCM này được Tuần Duyên Hạm Tây Sa HQ 615 cứu vớt vào tối 30/4.

Tại Căn cứ Hải Quân Cát Lở (nơi trú đóng của Bộ Tư lệnh HQ Vùng 3 Duyên Hải), Phó Đề Đốc Hồ Văn Kỳ Thoại đã dùng khinh tốc đỉnh PCF rời căn cứ để ra Cơ Xưởng Hạm Vĩnh Long HQ 802 neo sẵn ngoài khơi vào đêm 29 tháng 4. Tư lệnh vùng 3 Duyên Hải cũng di tản trên chiến hạm này. HQ 802 rời Vũng Tàu và đi thẳng đến Subic Bay, không đến điểm hẹn Côn Sơn.

Tại vùng biển Vũng tàu, những chiến hạm hiện diện gồm HQ 5, HQ 802, HQ 16, HQ 7, HQ 12, HQ 505, HQ 400, các tàu chở dầu HQ 470, 471. Hai chiến hạm HQ17, HQ14 cũng đã về đến từ quần đảo Trường Sa. Tất cả đều trực chỉ điểm hẹn gần Côn Sơn.

Tại Phú Quốc có 4 chiến hạm trực chỉ Singapore: Trợ Chiến Hạm Nguyễn Ngọc Long HQ 230, Giang Pháo Hạm Tầm Sét HQ 331, Giang Pháo Hạm Lôi Công HQ 330, Tuần Duyên Hạm Minh Hoa HQ 602.

Sau 5 ngày chờ đợi, Singapore từ chối yêu cầu tỵ nạn, chỉ cung cấp thêm nước và yêu cầu đoàn tàu rời Singapore. Do đó, đoàn tàu quyết định đi Úc. Trên hải trình, một số thủy thủ của HQ 602 đã bắt giữ hạm trưởng và lái tàu trở về Sài Gòn. Nhưng khi được tin Úc công nhận MT/ GPMN, đoàn tàu còn lại 3 chiếc đổi hướng, hải hành đến Phi Luật Tân.

Ngày 2 tháng 5, Hạm đội HQVNCH gồm 26 chiếc, mang theo trên 30,000 quân dân di tản, đặt dưới quyền Tư Lệnh Chung Tấn Cang, chia thành 3 hải đội: Một do Phó Đô Đốc Chung Tấn Cang chỉ huy, một do Đề Đốc Lâm Nguơn Tánh trên HQ 1 chỉ huy, một do Phó Đề Đốc Hoàng Cơ Minh trên HQ 3 chỉ huy.

Hải Quân Hoa Kỳ cũng đã thành lập một lực lượng đặc nhiệm: Hải Đội Destroyer's Squadron 23 do Đề Đốc Donald

Roane, đặt bộ chỉ huy trên Chiến Hạm Kirk (DE-1097) để yểm trợ cho Hạm Đội VN. Các chiếc hạm trong lực lượng này ngoài USS Kirk (DE-1087), còn có USS Tuscaloosa (LST 1187), USS Cook, USS Deliver (ARS-23), USS Abnaki (ATF-96), và USNS Lipan (T-ATF-85).

Một số chiến hạm khác tuy không thuộc lực lượng đặc nhiệm này nhưng cũng góp phần vào công tác y tế và tiếp liệu cho đoàn tàu VN: USS Mobile (LKA-115), USS Balbour County (LST-1195), USS Vega (AF-59), và USS Denver (LPD-9).

Chuyến hải hành từ Côn Sơn đi Phi Luật Tân kéo dài trong 5 ngày. Ngay trong ngày đầu, các phi cơ phóng pháo Liên Xô đã bay trên đoàn tàu, tuy nhiên không có những hành vi thù nghịch.

Bộ Quốc Phòng HK, tuy đã sắp xếp trước để yêu cầu Chính Phủ Phi trợ giúp trong việc nhận khoảng 30 ngàn người tỵ nạn Việt tạm trú và sau đó sẽ được chuyển từ Phi sang Guam, nhưng lại không xin phép Chính Phủ Phi để đưa Hạm Đội HQ/ VNCH đến Subic Bay. Lẽ dĩ nhiên việc này gặp trở ngại vì Tổng Thống Phi Ferdinand Marcos và Ngoại Trưởng Carlos Romulo đều không muốn ‘đụng chạm’ với chế độ ‘mới’ tại Nam VN.

Theo Điệp Mỹ Linh, ngày 7 tháng 5, khi đoàn tàu gần đến hải phận Phi, Ngoại Trưởng Phi dọa sẽ ‘bắt giữ’ đoàn chiến hạm. Tuy nhiên, khi Đại sứ HK tại Phi bàn đến số phận của gần 30 ngàn người tỵ nạn trên các tàu sẽ là một ‘gánh nặng’ mà Phi chưa bao giờ nghĩ tới và cũng chưa sửa soạn để đối phó thì Ngoại Trưởng Romulo đành chấp nhận giải pháp là Hạm Đội HQ/ VNCH phải bàn giao lại cho Hải Quân Hoa Kỳ. Đồng thời, hạm đội trước khi vào lãnh hải Phi, sẽ phải vứt bỏ đạn dược, xóa bỏ tên và số hiệu của từng chiến hạm, thay thế Quốc kỳ VNCH bằng Quốc kỳ Hoa Kỳ.

12 giờ trưa 7 tháng 5, những buổi lễ ‘hạ kỳ’ đã được

tổ chức rất trang trọng nhưng thật buồn thảm trên từng chiến hạm VNCH. Tất cả mọi người đều cúi người khóc thương tiếc!

Nếu Quốc tế công pháp xác nhận, “Chiến hạm là lãnh thổ quốc gia” thì “VNCH đã tồn tại cho đến trưa ngày 7 tháng 5 năm 1975.” Thật vậy, Hạm đội HQ/ VNCH đã hoàn thành nhiệm vụ di tản trên 30 ngàn quân dân đến bến bờ tự do thật kỷ cương, toàn hảo. Phải hãnh diện mà nói rằng, trong Hải Sử Hải Quân thế giới, chưa bao giờ có một hạm



Chuyến hải hành cuối cùng của Hải Vận Hạm Lam Giang HQ 402, 1975.

đội hải hành di tản mà vẫn giữ được đội hình nghiêm chỉnh khi nổi tuyệt vọng mất nước đã trở thành hiện thực.

Ngày 8 tháng 5 tại Subic Bay, do một bức ảnh chụp chung với vị tư lệnh Hải Quân Hoa kỳ đầu tiên tại Việt Nam, Đề Đốc Norvell Gardiner Ward (khi tôi làm CHT Duyên Đoàn 26 tại vịnh Cam Ranh năm 1965), gia đình tôi được đưa thẳng đến Hoa Kỳ via Wake Island, thay vì phải đi Guam. Phi cơ Hải Quân chở chúng tôi, những người tỵ nạn VN đầu tiên, đáp xuống đảo Wake để làm thủ tục nhập cảnh. Dù đây chỉ là một hòn đảo rất nhỏ, nhô lên giữa biển trời bao la nhưng nó mang biểu tượng một sự chiến thắng thật vinh quang của

Hải Quân và TQLC Hoa kỳ trên Thái Bình Dương vào thời kỳ Đệ nhị Thế chiến, nhất quyết buộc quân Nhật đầu hàng trên hải đảo để lấy lại phần lãnh thổ của Hoa Kỳ đã bị mất trong tay quân phiệt từ năm 1941.

Tưởng cũng nên nhắc lại một chút lịch sử về đảo Wake này như là một bài học quý giá cho con cháu chúng ta sau này để noi gương những anh hùng Hoa Kỳ thời đó, nhất định phải lấy lại Hoàng Sa đã do bọn bành trướng Trung Cộng xâm chiếm ngày 19 tháng 1 năm 1974.

Đảo Wake là một trong những hòn đảo bị quân Nhật đánh bom, giết chết hàng trăm TQLC và Hải Quân Mỹ trong đợt không kích trên bình diện rộng lớn cùng lúc với vụ tấn công Trân Châu Cảng. Ngày 7 tháng 12 năm 1941, Hải Quân Nhật đưa quân sang xâm lược. Ngày 23 tháng 12, quân Nhật đã chiếm được toàn đảo nhờ hỗ trợ lớn lao của những phi cơ khu trục xuất phát từ hàng không mẫu hạm trở về từ Trân Châu Cảng. Hòn đảo chịu sự chiếm đóng của quân đội Nhật cho đến cuối Đệ Nhị Thế Chiến.

Đề Đốc Shigematsu Sakaibara, chỉ huy Hải Đội Nhật Bản, đã ra lệnh bắn chết 96 tù nhân chiến tranh của phe Đồng Minh ngay trên đảo. Không Quân, Hải Quân Mỹ nhiều lần dội bom, nhưng không hề hấn gì. Mỹ đổi chiến thuật không chiếm lại ngay nhưng dùng chiến lược ngăn chặn quân Nhật tiếp viện. Quân trú phòng dần dần bị bệnh hoạn, chết đói trên 1,300 và 600 quân Nhật thiệt mạng do không kích của Mỹ. Ngày 4 tháng 9 năm 1945, TQLC Mỹ đổ bộ lên đảo và quân Nhật trên đảo đành phải đầu hàng cùng với Đề Đốc Sakaibara. Sau này, Đề Đốc Sakaibara bị xét xử vì tội ác chiến tranh và bị hành quyết vào năm 1947.

Khi chiếc phản lực cơ nhỏ của Hải quân Hoa Kỳ đáp xuống phi đạo có tầm ngắn này của đảo Wake, chúng tôi biết chắc chắn rằng chúng tôi đã đến một miền đất thực sự của tự do, thật sự đã vượt thoát một nhà tù khổng lồ đang đổ trùm

lên Miền Nam và Sài Gòn yêu dấu của chúng ta. Xe tăng của Bắc Quân giờ này chắc chắn đang cày nát những con đường đẹp đầy cây cao bóng mát của Thủ đô của một thời, ghi dấu tình thương yêu đùm bọc lẫn nhau của Quân dân Miền Nam.

Tôi đã quỳ xuống trên phi đạo thật lâu mà hai bên vẫn còn cỏ tranh chưa được cắt xén, trong khi sóng biển như đang gào thét và những cơn gió mặn thổi từng đợt cát trắng tung bay mù mịt. Trước mặt tôi là Thái Bình Dương bao la, nhưng cuối đại dương này là đất nước Miền Nam không biết sẽ đi về đâu? Quân dân Miền Nam kẹt lại sẽ ra sao? Gia đình, bạn bè thân thuộc của biết bao người vẫn còn ở đó, những Huynh Đệ Trường Võ Bị Quốc Gia đã một thời chinh chiến cố bảo vệ cho một Miền Nam được tự do chắc chắn sẽ bị trả thù! Thật tội nghiệp cho đất nước tôi.

Lúc đó, tôi chỉ còn biết gục đầu xuống, cảm thấy mình thật sự đang khóc. Khóc để tang cho một quê hương vừa bị cưỡng chiếm, khóc để tang cho một Sài Gòn bị xóa tên **và khóc để tang cho một hạm đội của một thời tung hoành lướt sóng vừa mới biến mất, vĩnh viễn không còn trên đại dương!**

*Hoa Thịch Đồn, mùa Xuân 2020
(sắp vào tháng Tư).*



Bên Thề - Bình Dương “Ngưng Bắn Da Beo”

Lê Đức Lực

Hiệp định Paris có hiệu lực lúc 8 giờ sáng ngày 28 tháng 1 năm 1973, nhưng chưa đầy nửa năm Việt Cộng vi phạm rất nhiều nơi, ở tất cả 4 vùng Chiến Thuật.

Đây là cuộc ngưng bắn lạ kỳ. Ai ở đâu ở đó, không có ranh giới vạch ra bên này bên kia để rút quân lui, thành ra khu vực chiếm lĩnh mỗi bên loang lổ như hình da beo. Người ta gọi “*ngưng bắn da beo*” là vậy.

Kiểu ngưng bắn như thế này chỉ làm lợi cho phe nào muốn vi phạm. Phía ta, thì tôn trọng Hiệp Định đình chiến tuyệt đối, chỉ muốn ở yên cho xong. Đem quân đánh lấn vùng địch đang tạm chiếm, rất nhiều khi không được khen mà lại còn bị lãnh củ, bị phạt oan uổng, bị phê phán là lòng nhiệt tình đối với Đất Nước thể hiện không đúng lúc, không đúng chỗ.

Việt Cộng thì khác. Ngay từ đầu, chúng đã có chủ trương vi phạm hiệp định, mục đích là giành dân lấn đất, gây khó khăn cho Chính Phủ và Quân Đội VNCH. Trong cái khó khăn đó, có đơn vị tôi gánh chịu.

Vào ngày 01 tháng 8 năm 1970, binh chủng Lực Lượng

Đặc Biệt giải tán. Trung Tâm Huấn Luyện Hành Quân Delta và Tiểu Đoàn 81 Biệt Cách Nhảy Dù sát nhập lại trở thành Liên Đoàn 81 Biệt Cách Nhảy Dù, Chỉ Huy Trưởng là Trung Tá Phan Văn Huân.

Trải qua nhiều đại đội, tôi tham dự rất nhiều trận đánh như: Khe Sanh, Ashau, An Lão, Dakto, Tam Biên, Bình Long trong chức vụ đại đội phó. Cho mãi đến tháng 6 năm 1972, tôi mới được bổ nhiệm là Đại Đội Trưởng Đại Đội 4 Biệt Cách Nhảy Dù thay thế Đại Úy Đào Minh Hùng.

Kể từ đó, Đại Đội 4 đã quân hành trên vạn nẻo đường Đất Nước, trước hiểm họa khủng bố, lấn chiếm, xâm lăng của bọn giặc cộng và Mặt trận Giải phóng Miền Nam, một công cụ của bọn chúng.

* * *

Mùa Xuân năm 1973, khoảng tháng hai, Đại Đội vừa hành quân truy lùng địch trong vùng phía Bắc Quận Tân Uyên, thuộc Chiến khu D trở về, đang trong thời gian nghỉ dưỡng quân, huấn luyện, đồng thời ứng chiến ở Căn Cứ Hành Quân, đóng tại Trung Tâm Huấn Luyện Quân Khuyển của Quân Đội Hoa Kỳ đã bỏ lại ở Suối Máu, sát cạnh Phi Trường Biên Hòa về hướng Tây Bắc, thì được lệnh của Đại Tá Chỉ Huy Trưởng Phan Văn Huân chỉ thị hai Đại Đội 4 và Đại Đội 1 sẵn sàng tham chiến.

Ở Xã Bến Thê thuộc Quận Tân An, Tỉnh Bình Dương, Việt Cộng đã đưa quân chiếm cứ và đóng chốt tại các vùng ngoại vi của Xã đã gần một tháng nay.

Bình Dương nằm sát nách Saigon, khoảng 32 cây số, là nơi từ trước đến giờ địch thường tập trung quân ở các vùng Bến Cát, Rạch Bắp, hay trong khu rừng Cù Mi để pháo kích, tấn công, uy hiếp tỉnh này và các quận, xã ngoại ô Tây Bắc Saigon.

Cũng với ý định giành dân, lấn đất theo đúng chủ trương

của chúng, chúng đã ngoan cố tấn công, bám trụ xã Bên Thế này. Một tiểu đoàn Bộ Binh của Sư Đoàn 5 cố đánh bật chúng ra mà không đánh được. Bộ Tư lệnh Quân Đoàn III đã phải điều động Tiểu Đoàn 52 Biệt Động Quân thay thế, cũng không cải thiện được tình hình. Bây giờ tới phiên hai Đại Đội Biệt Cách Nhảy Dù chúng tôi.

Bộ Tư lệnh Quân Đoàn III trình với Bộ Tổng Tham Mưu, yêu cầu đích danh Liên Đoàn 81 Biệt Cách Nhảy Dù hành quân giải tỏa vùng này. Vậy là Đại Đội 1 của Đại Úy Nguyễn Ích Đoàn và Đại Đội 4 của tôi nhận lệnh lên đường.

Đoàn xe GMC chở hai Đại Đội rời Căn cứ Hành Quân ở Suối Máu, hướng về thị xã Bình Dương. Xe chạy vượt quá thị xã trên Quốc Lộ 13 chừng 2 cây số, rẽ vào trái, đi ngang qua xã Tương Bình Hiệp, tiếp tục khoảng 2 cây số nữa là cuối đường lộ đất thì đến Chợ Nhỏ, Xã Bên Thế.

Chợ Nhỏ nằm chắn ngang ngay ngã ba đường. Giữa ngã ba đường có một quán bán hủ tiếu bình dân của Ông Chín Hương, đầu sau lưng quán hủ tiếu là quán cà phê vớt của Chị Ba. Chợ Nhỏ nằm dưới cái lổm đáy của ngã ba con lộ. Đã gọi là Chợ Nhỏ thì không lớn bao giờ. Chợ chỉ nhóm họp từ sáng sớm tới 10 giờ trưa. Tại Xã Bên Thế có vào khoảng 9, 10 lò đường thủ công, nên mặt hàng buôn bán, trao đổi chủ yếu là đường thẻ, đường cát vàng, ngoài ra là những nhu yếu phẩm và đồ gia dụng.

Từ Chợ Nhỏ Bên Thế về hướng Tây-Bắc trên 10 cây số là Rạch Bắp, Bên Cát. Đi tuốt lên nữa là Dầu Tiếng, những địa danh, nơi chốn mà Việt cộng thường hoạt động và đã giao tranh dữ dội với Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa.

Bàn giao tuyến phòng thủ từ một Tiểu Đoàn Bộ Binh của Sư Đoàn 5, đang trấn giữ mặt Bắc Chợ Nhỏ. Một Sĩ Quan nói với tôi:

- *“Mục tiêu này khó nuốt lắm đạ, Đại Úy! Bọn chúng cứ ẩn núp trong vườn, ngoài ngõ, chả biết nhiều hay ít, mà hễ tui*

này tiến lên là nó bắn rất quá, nên cứ án binh tại chỗ.”

Tôi không có ý kiến vì chưa nắm vững tình hình, không nói hay được.

Dàn trải đại đội thành hàng ngang, kéo dài trên con đường đất nhỏ từ chợ vào sâu bên trong các lò nấu đường, gần giáp mé con rạch về hướng Tây. Vừa đồng loạt vượt tuyến phòng thủ, băng qua các thửa ruộng khô, tiến lên hướng Bắc chừng 100 mét, thì bị bọn chúng quấy rối liên. Chúng bắn chóc chóc



bằng AK.47, CKC từ khắp các phía. Hạ Sĩ Chánh khinh binh, bị trúng đạn ở bả vai, không nặng lắm, nhưng phải tái thương. Tôi ra lệnh án binh, đào hầm, phòng thủ tại chỗ.

Để nắm rõ địa thế trong hai khu vực trách nhiệm, sáng hôm sau tôi và Đại Úy Đoàn xin trực thăng, bay một vòng quan sát.

Trở về, Đại Úy Đoàn và tôi cùng có chung nhận xét:

- “Địa thế trống trải, cây cối vườn tược thưa thớt, nhà dân cách nhau khá xa. Tấn công trực diện vào ban ngày rất dễ bị lộ, địch có thể phục kích, bắn sé. Cách tốt nhất là áp dụng sở trường đánh đêm.”

Nói xong hai tiếng đánh đêm, tôi và Đại Úy Đoàn nhìn nhau cùng cười, đắc ý.

Trình kế hoạch và xin chỉ thị, chúng tôi được Đại Tá Chỉ Huy Trưởng Phan Văn Huân chấp thuận. Vậy là, ngay trong đêm nay, không chần chừ, hai đại đội, hai cánh quân, phía bên Tây, phía bên Đông sẽ xuất phát.

Chờ đêm xuống, tôi đưa bốn toán Khinh Binh Tiền Sát đi trước, lần từng bước, từng gốc cây, khu vườn, từng nhà, tiến dần lên hướng Bắc, hướng đi lên Bến Cát, Rạch Bắp. Các trung đội tiếp bước đằng sau, khoảng cách luôn luôn là 100 mét, không gần quá, dễ bị động, không xa quá, không phản ứng kịp. Cứ thế, hai đại đội hai mặt, tiến gần suốt đêm, trên cả cây số mà không thấy động tĩnh gì, không thấy địch đâu cả. Tôi suy đoán, có thể ban đêm chúng nó tập trung lại, ban ngày mới bung ra lập chốt.

Gần sáng, đại đội đi qua một bờ đất, sát một thửa ruộng khô, rộng chừng một mẫu, có hai dãy tre cao bao kín chung quanh. Tre trông theo từng hàng dài, loại tre thân nhỏ, không phải để làm nhà mà làm cán cuốc, xẻng, cán dao hay gậy gộc, gần giống như tre tầm vông. Tôi cho lệnh các trung đội, tản vào hai bên các dãy tre, bố trí nghỉ ngơi, sau một đêm thức ròng từ khi trời mới tối đến giờ.

Nhưng, thật quá bất ngờ, Trung Sĩ Kờ-Phong, Tiểu Đội Trưởng của Trung Đội 2, trong lúc đào hố phòng thủ phía bên trong hai dãy tre, thì bỗng bị tuột chân vào một cái miệng hố, trên mặt phủ đầy rơm rạ.

Kinh nghiệm của một người sắc tộc miền thượng du, và là một Chiến Sĩ Biệt Cách Dù lão luyện, Trung Sĩ Kờ-Phong biết ngay đó là một cái cửa hầm. Kờ-Phong la lớn:

- *“Hầm Việt Cộng, hầm Việt Cộng!”*

Cùng lúc Kờ-Phong trườn ra khỏi hố, chạy tháo lui về phía đồng đội. Các Trung Đội vẫn giữ nguyên vị trí, khu vực đã phòng thủ, riêng Trung Đội 2 được tôi điều động tiến gần tới mục tiêu. Thiếu Úy Lại Đình Hợi, Trung Đội Trưởng quạt một tràng đạn XM.16 vào miệng hố rồi quát to: - *“Có đũa nào bên*

dưới, lên ngay không thì chết!”

Xong, anh vứt một quả lựu đạn M.26, tiếp theo là mấy trái lựu đạn khói xuống hầm.

Khoảng chừng năm mươi phút sau, từ dưới hầm có tiếng đội lên:

- *“Tôi hàng! Tôi xin hàng.”*



Một đơn vị Biệt Cách Dù đang chờ “nhảy” trực thăng vận, vào lòng địch.

Vậy là có 6 tên Việt cộng lần lượt trèo lên, trong đám khói màu trắng, đổ đạn quỵện vào nhau và lan tỏa dần vào ánh sương mai. Cả 6 tên bị trói lại và hỏi cung ngay tại chỗ.

Căn hầm nằm gọn trong hai dãy hàng tre, dài 20 mét, rộng 4 mét. Lục soát, phát giác bốn xác chết vì lựu đạn, cạnh đó có kê bốn dãy giường tre, và hai dãy kệ lót bằng phen nửa, chứa đựng một số ít thuốc men và các y cụ. Đây là một Trạm Xá của bọn chúng.

Bằng với kinh nghiệm từng trải chiến trường, tôi lệnh cho Trung Úy Mã Thế Kiệt, Đại Đội Phó cho các trung đội bung ra, lục soát dọc theo bên trong hai dãy bụi tre.

Quả nhiên, chúng tôi phát giác thêm hai hàm khác kế cận, tiêu diệt thêm 4 tên và bắt sống 5 tên, tịch thu một số vũ khí, đạn dược bao gồm: AK.47, CKC, Trung Liên nôi, và vài ba bao chứa gạo, thực phẩm.

Riêng về Đại Đội 1 do Đại Úy Nguyễn Ích Đoan chỉ huy, trong phạm vi trách nhiệm đã tổ chức phục kích, hạ sát 5 tên giặc Cộng giao liên, có lẽ đang trên đường trở lại căn cứ của chúng về hướng Bắc.

Cuộc hành quân này không chỉ có hai Đại Đội 4 và 1 đảm nhận, mà còn được thêm một lực lượng nhỏ hợp tác. Đó là Trung Đội Nghĩa Quân do Xã Mộc chỉ huy. Xã Mộc là Xã Trưởng Xã Bến Thê, một chiến sĩ sát Cộng dữ dội, rất can đảm và hết lòng với xã ấp và đồng bào.

Phối hợp với Trung Đội Nghĩa Quân gồm hầu hết là dân địa phương, chúng tôi có nhiều điều lợi: Họ rành rẽ địa thế, đường đi nước bước, nắm vững rành rọt nhà nào theo Việt cộng, nhà nào không. Trong số họ, cũng có một vài Hôi Chánh Viên. Họ quá thông thuộc lối đánh và thói quen của địch, nên đã góp nhiều ý kiến hữu dụng đưa đến thành công này.

Sau khi tịch thu được chiến lợi phẩm chuyển lên mặt đất, trong đó có hai ba thùng thuốc men đủ loại, tôi không khỏi suy nghĩ. Số thuốc này phần lớn sản xuất tại Saigon, một vài thứ là thuốc nhập cảng, không thể giao liên mua mà có nhiều được. Giao liên chỉ mua được số lượng lẻ tẻ, ít ỏi, mua nhiều sẽ bị lộ.

Vậy thì thuốc ở đâu mà địch dự trữ ở đây. Ai bán cho địch? Ai đâm sau lưng chúng tôi? Tôi không tàn nhẫn đến mức độ muốn cho bọn địch bị bệnh hay bị thương mà không có thuốc, tôi chỉ nghĩ đến những ai đang sống yên ổn ở Saigon, ở các thành phố lớn, vì ham lợi mà bỏ quên những người lính đang xông pha trận chiến hằng ngày, hằng đêm như chúng tôi mà thôi.

Coi như chỉ trong vòng hai ngày hai đêm, hai Đại Đội 4 và 1 đã diệt sạch gọn đám giặc cộng thổ phỉ, đã gây bất an cho xã

Bến Thề từ bấy lâu nay.

Trên đường rút về Chợ Nhỏ, đồng bào đổ ra đứng hai bên đường hoan hô và tặng đủ thứ quà bánh, trái cây. Ở đây, không có Cô Học Sinh tha thướt áo dài trắng, choàng vòng hoa lên cổ, mà chỉ có những Cô Thôn Nữ, áo bà ba vui mừng, vừa đưa tay vẫy chào chúng tôi, vừa cúi đầu mắc cỡ.

Tình Quân Dân như người ta thường nói, thể hiện trong dân chúng và chúng tôi một cách rõ ràng. Hòa bình rồi, đồng bào muốn yên ổn làm ăn, không còn muốn súng đạn. Sau những ngày Cộng quân lần đầu giành dân, chúng tôi đã đem lại sự an bình cho mọi người.

* * *

Sáng hôm sau, trong khuôn viên của Trụ Sở Xã Bến Thề, Trung Tướng Nguyễn Văn Minh, Tư Lệnh Quân Đoàn III, Quân Khu III, có Đại Tá Chỉ Huy Trưởng Phan Văn Huân tháp tùng, đã đáp trực thăng xuống để ban thưởng huy chương cho các chiến sĩ Biệt Cách Nhảy Dù cùng Xã Trưởng Mộc và Trung Đội Nghĩa Quân. Tôi đứng thể nghiêm, chào tay, Trung Tướng Tư Lệnh bước tới gần, gắn lên ngực áo tôi tấm huy chương Anh Dũng Bội Tinh với Ngôi Sao Vàng. /.